

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XI
về thúc đẩy công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng
và hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh

Đồng Nai là tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, thuộc địa bàn có tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa nhanh của cả nước; đã triển khai nhiều dự án quan trọng do Trung ương và tỉnh đầu tư (như dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành, đường Vành đai 3, Vành đai 4, cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, Dầu Giây - Tân Phú, Tân Phú - Bảo Lộc, các dự án hạ tầng giao thông, dự án trọng điểm của tỉnh...). Do vậy, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng được xem là một trong những khâu quan trọng và quyết định, nhằm tạo quỹ đất sạch để đầu tư xây dựng các công trình, dự án, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

I- KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỜI GIAN QUA

1- Kết quả thực hiện

- Thời gian qua, tỉnh đã có nhiều nỗ lực trong công tác bồi thường, thu hồi đất để thực hiện nhiều dự án lớn về giao thông, khu dân cư, khu tái định cư, khu cụm công nghiệp, đặc biệt là dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành... Trong quá trình thực hiện đã nhận được sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp; sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị liên quan và sự đồng thuận của các hộ dân trong vùng dự án để kịp thời xử lý những khó khăn vướng mắc và yêu cầu của người bị thu hồi đất theo đúng quy định.

- Chính sách về công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cơ bản đã được triển khai đảm bảo theo quy định của Trung ương và nhận được sự đồng thuận của đa số người dân có đất bị thu hồi. Giai đoạn năm 2014 - 2023, toàn tỉnh đã xây dựng hoàn thành 116 khu tái định cư và bố trí cho 13.729 hộ trên tổng số 14.501 hộ phải bố trí tái định cư; các hộ dân bị thu hồi đất có cuộc sống tốt hơn trước và cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại nơi tái định cư được bố trí đồng bộ nên đời sống, sinh hoạt hàng ngày của người dân tại khu tái định cư thuận lợi hơn so với nơi ở cũ; qua đó đã góp phần duy trì được tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đạt kết quả cao, liên tục và khá bền vững trong thời gian qua.

- Nhiều dự án đầu tư, nhất là hạ tầng các khu công nghiệp, hạ tầng đô thị đã được triển khai xây dựng và đưa vào sử dụng; trong quá trình triển khai thực hiện đã bám sát các quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, với tinh thần tính đúng, tính đủ và công khai, minh bạch cho các đối tượng bị thu hồi đất; đồng thời, cơ bản đã xử lý kịp thời những phát sinh vướng mắc và kiến nghị của người dân.

- Quyền lợi của người dân thuộc diện thu hồi đất cơ bản được đảm bảo về chỗ ở, ổn định đời sống và việc làm. Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được quan tâm giải quyết đúng quy định pháp luật, góp phần giữ vững trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

- Tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ bồi thường dân ổn định, từng bước chuyên nghiệp, nhằm đáp ứng tốt công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong tình hình hiện nay.

2- Tồn tại, hạn chế

Trong công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư còn một số tồn tại, hạn chế, chưa thực sự tạo điều kiện thúc đẩy nhanh các dự án đầu tư và chưa đảm bảo an dân, đó là:

- Vấn đề xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, chính sách hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm còn nhiều bất cập, chưa rõ ràng, chưa gắn việc giải quyết chính sách xã hội đối với hộ nghèo, thu nhập thấp sau khi thu hồi đất.

- Công tác quy hoạch và quản lý sau quy hoạch của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp có nơi còn hạn chế, yếu kém; tình trạng quy hoạch treo làm hạn chế các quyền của người sử dụng đất.

- Việc đầu tư xây dựng các khu tái định cư còn rất chậm; việc huy động nguồn vốn đầu tư xây dựng các khu tái định cư còn gặp khó khăn; một số khu tái định cư chưa được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh, kịp thời để chủ động bố trí, di dời các trường hợp bị thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai; một số khu tái định cư chưa đạt yêu cầu khu dân cư hoàn chỉnh (thiếu công trình công cộng thiết yếu và chưa bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật), chưa phù hợp với từng khu vực (nông thôn, ven đô thị). Chưa thực hiện bố trí tái định cư đã tiến hành thu hồi đất. Tiêu chuẩn, thủ tục xét duyệt tái định cư và việc xác định nghĩa vụ tài chính cho các hộ dân được bố trí tái định cư còn nhiều bất cập; còn phải bố trí tạm cư để giải phóng mặt bằng, giao đất cho các dự án, vừa tốn kém kinh phí, vừa gây khó khăn cho người dân.

- Sự phối hợp tổ chức thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng của các cơ quan, đơn vị liên quan còn chậm, kéo dài, chưa đầy đủ và chính xác; năng lực làm công tác đền bù, giải phóng mặt bằng ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn yếu và thiếu; một số nội dung quy định về việc tổ chức thực hiện công tác bồi thường, thu hồi đất còn chồng chéo, không còn phù hợp thực tế tại địa phương; một bộ phận người dân trong vùng dự án không phối hợp với cơ quan chức năng trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Công tác tuyên truyền, vận động còn hạn chế, dẫn đến đơn thư khiếu kiện của người dân trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, tái định cư còn phát sinh nhiều, phần lớn là không thống nhất về giá đất bồi thường; việc giải quyết khiếu kiện của người dân ở một số địa phương còn lúng túng, kéo dài, nên có lúc, có nơi còn xảy ra điểm nóng, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

3- Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

3.1- Nguyên nhân khách quan

- Chính sách, quy định của Trung ương về công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư còn một số nội dung chưa cụ thể, rõ ràng; việc áp dụng còn gặp khó khăn, vướng mắc, nhất là đối với những dự án có quy mô lớn, kéo dài qua nhiều năm, dẫn đến việc khiếu nại của người dân, làm chậm tiến độ thực hiện.

- Thủ tục hành chính liên quan đến việc đầu tư xây dựng các khu tái định cư còn phức tạp, kéo dài.

- Công tác kiểm đếm tài sản đối với trường hợp không có mặt tại địa phương, hộ khẩu thường trú ngoài địa phương, không hợp tác kiểm đếm phải tổ chức vận động làm kéo dài thời gian thực hiện; nhiều trường hợp chuyển quyền sử dụng đất không lập thủ tục chuyển quyền theo quy định pháp luật nên xảy ra trường hợp người có tên trong giấy tờ về quyền sử dụng đất không phải là người đang sử dụng đất, nên các địa phương gặp khó khăn trong việc xác định đối tượng được bồi thường về đất, mất nhiều thời gian thực hiện.

- Tình hình biến động sử dụng đất hiện nay là rất lớn, tuy nhiên, ý thức chấp hành pháp luật về đất đai, về xây dựng của một bộ phận người dân còn chưa cao; việc sang nhượng đất đai, chuyển mục đích sử dụng đất và xây dựng nhà ở trái phép còn diễn ra tại các khu vực đã được quy hoạch, gây rất nhiều khó khăn cho công tác kiểm đếm, quy chủ khi lập phương án bồi thường và tạo áp lực lớn đến việc giải quyết các chính sách bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư.

3.2- Nguyên nhân chủ quan

- Chưa phát huy hết vai trò trong việc lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cơ sở; tính chủ động, tích cực của một số đơn vị, cơ quan làm nhiệm vụ bồi thường còn chưa cao.

- Sự phối hợp của mặt trận tổ quốc, các đoàn thể với chính quyền các cấp chưa được thường xuyên; một số cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận tổ quốc, các đoàn thể và các ngành chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và ý nghĩa đối với đối tượng thuộc diện thu hồi đất là đối tượng cần quan tâm về kinh tế - xã hội trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng trong vùng dự án chưa thường xuyên, liên tục nên còn một bộ phận người dân chưa nhận thức đầy đủ chủ trương, chính sách pháp luật có liên quan, đòi hỏi quyền lợi trái với quy định của pháp luật; một bộ phận người dân ý thức chấp hành chủ trương, chính sách còn thấp, chưa nhận thức đầy đủ về nghĩa vụ công dân để góp sức cùng Nhà nước thực hiện. Bên cạnh đó, việc tổ chức đối thoại trực tiếp với Nhân dân trong vùng dự án của các cấp chính quyền chưa được thường xuyên nên chưa xử lý, giải quyết kịp thời những tâm tư và bức xúc của nhân dân trong vùng dự án.

- Việc phối hợp thực hiện giữa tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, ủy ban nhân dân cấp xã và các phòng, ban chức năng; sự phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương có liên quan trong việc lập, thẩm định phương án bồi thường còn có sự chông chéo, chưa đạt hiệu quả cao.

- Nhân lực thực hiện công tác bồi thường còn hạn chế (*cả số lượng và năng lực chuyên môn*), nhất là tại các địa phương có dự án lớn hoặc nhiều dự án phải thực hiện công tác bồi thường cùng thời điểm. Ngoài ra, việc luân chuyển cán bộ địa chính cấp xã tại những nơi đang thực hiện công tác bồi thường của nhiều dự án cũng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện do cán bộ mới được chuyển đến chưa nắm bắt được nguồn gốc, quá trình sử dụng đất nơi đang thực hiện công tác bồi thường.

- Còn chậm trễ trong việc chuẩn bị, đầu tư, xây dựng các khu tái định cư trước khi thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai. Thủ tục lập và thẩm định các dự án đầu tư còn kéo dài; chưa quan tâm kiểm tra khả năng thực hiện dự án của nhà đầu tư sau cấp phép, dẫn đến dự án chậm triển khai hoặc không thực hiện được, làm ảnh hưởng lớn đến tiến độ dự án.

- Một số sở, ngành, đơn vị còn chưa kịp thời tham mưu đề Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử lý hoặc kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn

xử lý đối với các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

- Một số địa phương chưa thật sự kiên quyết trong việc thực hiện biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối với các trường hợp cố tình không hợp tác, mặc dù đã được áp dụng đầy đủ các chính sách về bồi thường theo quy định và đã tổ chức vận động thuyết phục nhiều lần, từ đó cũng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án.

- Công tác quản lý đất đai và xây dựng của cấp xã, phường, thị trấn còn lỏng lẻo, tình trạng sử dụng đất không đúng quy định còn nhiều (xây dựng trái phép, không phù hợp quy hoạch) tại các khu vực đã có quy hoạch để thực hiện dự án, gây khó khăn và làm chậm tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng, bố trí tái định cư.

II- QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC, MỤC TIÊU

1- Quan điểm, nguyên tắc chỉ đạo

Nhà nước thực hiện quyền của chủ sở hữu thông qua việc quyết định thu hồi đất, quyết định giá đất (trong đó có giá đất để tính tiền bồi thường khi thu hồi đất). Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào các mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch.

Công tác bồi thường, thu hồi đất và hỗ trợ, tái định cư là một khâu rất quan trọng, nhằm thúc đẩy triển khai nhanh các dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Do vậy, việc thúc đẩy công tác bồi thường, thu hồi đất và hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh là nhiệm vụ rất cần thiết trong tình hình hiện nay, thể hiện sự quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị. Trong đó tập trung một số quan điểm, nguyên tắc sau:

- Việc thu hồi đất phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; chỉ được thực hiện sau khi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt. Đối với trường hợp thu hồi đất mà phải bố trí tái định cư thì phải hoàn thành bố trí tái định cư trước khi thu hồi đất. Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phải đi trước một bước, đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, khách quan, công bằng, hài hòa lợi ích của Nhà nước, người dân có đất bị thu hồi và nhà đầu tư theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

- Phải xác định người thuộc diện thu hồi đất là những người trực tiếp đóng góp tài sản vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, cần được ghi nhận là diện được hỗ trợ chính sách xã hội có thời hạn.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong việc thực hiện và giám sát thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Phải xuất phát từ yêu cầu xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh gắn với thực hiện có hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính trong hệ thống chính trị để thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đúng theo luật định và phù hợp với thực tiễn ở địa phương theo nguyên tắc đảm bảo hài hoà lợi ích gắn với nghĩa vụ, trách nhiệm của người dân thuộc diện thu hồi đất, nhà đầu tư và Nhà nước.

- Việc bồi thường về đất được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, trường hợp không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể. Đối với người có đất bị thu hồi nếu có nhu cầu và địa phương có điều kiện về quỹ đất, quỹ nhà ở thì được xem xét bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở.

- Chủ sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật dân sự mà bị thiệt hại về tài sản thì được bồi thường thiệt hại; chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh phải ngừng sản xuất, kinh doanh do Nhà nước thu hồi đất thì được xem xét hỗ trợ.

2- Mục tiêu

2.1- Mục tiêu tổng quát

Tập trung mọi nguồn lực thúc đẩy nhanh công tác bồi thường, thu hồi đất để triển khai các dự án đầu tư, giải ngân vốn đầu tư công, góp phần thực hiện tốt khâu đột phá về hạ tầng giao thông đô thị, giao thông nông thôn và giao thông kết nối vùng mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đã xác định.

Việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phải được thực hiện đúng nguyên tắc, bảo đảm dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch, kịp thời, có hiệu quả, có tính khả thi cao, phù hợp với quy định pháp luật; với mục tiêu hướng tới người dân có đất bị thu hồi có điều kiện và cuộc sống bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

2.2- Mục tiêu cụ thể

- Việc xác định giá bồi thường phải được tính toán cẩn thận, khoa học, phù hợp với thực tế, giá bồi thường đảm bảo tính tương đồng với giá bồi thường của các địa phương lân cận và đúng theo quy định của Luật Đất đai.

- Cấp ủy, chính quyền các cấp cần xác định nhu cầu tái định cư đảm bảo chính xác, đúng với thực tế của từng địa phương (bao gồm cả số lô tái định cư

nợ chưa bố trí và số lô tái định cư mới); việc tính toán, dự báo nhu cầu tái định cư chia làm 03 giai đoạn cụ thể (tính toán chính xác cho các năm 2024, 2025 và dự báo cho giai đoạn 2026 - 2027 đến năm 2030); công tác dự báo nhu cầu tái định cư để thực hiện đầu tư xây dựng các khu tái định cư phải gắn với việc quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và quy hoạch các khu, cụm công nghiệp trong thời gian tới.

- Từng địa phương phải tự rà soát, xây dựng kế hoạch bố trí tái định cư cho địa phương mình, đảm bảo trước năm 2026 phải hoàn thành 100% việc bố trí tái định cư cho số lô tái định cư còn nợ chưa bố trí; từ năm 2025 trở đi, đảm bảo 100% quyết định thu hồi đất thực hiện sau khi bố trí tái định cư.

- Đối với việc bố trí tái định cư vào những khu tái định cư liền kề giữa hai địa phương phải có sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh và sự đồng thuận của người dân bị thu hồi đất; nghiên cứu, có phương án xây dựng chung cư cao tầng để phục vụ bố trí tái định cư, đảm bảo phù hợp, tạo điểm nhấn về kiến trúc trong khu vực.

- Các khu tái định cư sau khi được quy hoạch phải được thực hiện nhanh chóng, kịp thời; thực hiện đơn giản hóa quy trình, thủ tục hành chính trong việc lập các dự án tái định cư, đảm bảo đúng quy định pháp luật.

- Thực hiện tốt công tác chuyển đổi nghề, bố trí việc làm cho người lao động có đất bị thu hồi.

- Rà soát, bố trí nguồn nhân lực đảm bảo thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ, tái định cư.

(Kèm theo 02 Bảng tổng hợp dự báo nhu cầu tái định cư cần phải bố trí tái định cư trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới).

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức đầy đủ trong hệ thống chính trị, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

- Phải thường xuyên quán triệt, lãnh đạo thực hiện nghiêm túc chủ trương của Đảng, pháp luật nhà nước về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, nhằm xây dựng kết cấu hạ tầng, thu hút đầu tư, tạo chuyển biến mạnh về phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương và chăm lo giải quyết ổn định đời sống, tạo việc làm cho các hộ sau khi thu hồi đất là trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp.

- Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện cho các ngành, các cấp thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao. Đồng thời, tổ chức học tập, tuyên truyền, giải thích để nhân dân hiểu, nắm rõ các quy định liên quan đến các chính sách hỗ trợ của Nhà nước về

bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để người dân nhận thức rõ về quyền lợi, nghĩa vụ, nhằm tạo sự đồng thuận, nhất trí cao và góp sức tích cực, có hiệu quả cùng Nhà nước thực hiện.

2- Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

2.1- Xây dựng cơ chế, chính sách trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất

Xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất cho phù hợp với Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về “*Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tại động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao*” và phù hợp với quy định của Luật Đất đai, đảm bảo công khai, minh bạch, hài hòa lợi ích của Nhà nước, người có đất bị thu hồi và nhà đầu tư theo đúng quy định pháp luật.

- Xây dựng, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất để làm căn cứ tính tiền sử dụng đất cho người được bố trí tái định cư theo quy định của Luật Đất đai năm 2024.

- Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà ở, công trình xây dựng, tài sản khác gắn liền với đất, bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất; có phương án giải quyết việc làm và đào tạo nghề; quy định mức hỗ trợ bằng tiền để hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất; hỗ trợ tạm cư trong thời gian người dân đã bàn giao mặt bằng chờ bố trí tái định cư và thời gian xây nhà ở khu tái định cư; có cơ chế khen thưởng cho người bàn giao mặt bằng trước thời hạn; quy định chi tiết về suất tái định cư tối thiểu; quyết định việc hỗ trợ để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất hoặc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho các hộ gia đình còn thiếu khi Nhà nước thu hồi đất; một số nội dung khác mà Chính phủ giao thẩm quyền cho địa phương thực hiện.

- Ban hành các chính sách hỗ trợ khác đảm bảo đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật và trong khả năng cân đối ngân sách của địa phương, cụ thể như: hỗ trợ cho hộ chính sách, hộ nghèo, hỗ trợ dịch vụ y tế, miễn giảm học phí,... Mức hỗ trợ phải phù hợp và có tác động tích cực, khuyến khích, bảo đảm cho người dân ổn định đời sống sau khi chuyển đến nơi ở mới.

2.2- Thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

- **Về thực hiện việc bồi thường:** Việc phê duyệt và thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ phải đồng thời với việc phê duyệt phương án bố trí tái định cư. Việc xác định nguồn gốc đất, bồi thường về đất, bồi thường giá trị nhà ở,

vật kiến trúc, tài sản, cây trồng trên đất và tổ chức thực hiện bồi thường bằng việc giao đất mới hoặc nhà ở tái định cư phải đúng, đủ và kịp thời theo quy định hiện hành.

- Về thực hiện các chính sách xã hội:

+ Xác định rõ cơ cấu lao động, nhu cầu việc làm của từng dự án để chủ động xây dựng đề án, giải quyết nhu cầu về đời sống, việc làm của người dân thuộc diện thu hồi đất theo hướng thành lập tổ chức để thực hiện việc huy động, quản lý, sử dụng hợp lý, đúng đối tượng, có hiệu quả nguồn quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm được hình thành từ nhiều chương trình, nhiều nguồn vốn chính sách xã hội.

+ Ưu tiên bố trí tạo việc làm đối với lao động có nhu cầu làm việc ở các khu, cụm công nghiệp; đồng thời, quan tâm đào tạo nghề, phát triển dịch vụ, mở rộng ngành nghề để giải quyết cho lao động không có điều kiện làm việc ở các khu, cụm công nghiệp; ưu tiên bố trí, hỗ trợ kinh phí đầu tư từ các chương trình khuyến nông, khuyến công, phát triển ngành nghề với những hình thức tổ chức sản xuất phù hợp.

- Về thực hiện tái định cư:

+ Rà soát và dự báo các dự án phát triển kinh tế - xã hội để xác định nhu cầu tái định cư, lập quy hoạch và kịp thời xây dựng các khu tái định cư theo quy hoạch. Công tác tái định cư phải được thực hiện trước khi triển khai các dự án đầu tư; khi chưa có nơi tái định cư đủ điều kiện thì chưa tiến hành thu hồi đất, giải toả hộ dân.

+ Đẩy nhanh tiến độ lập, phê duyệt dự án đầu tư, quy hoạch chi tiết và thủ tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của khu tái định cư; cân đối, bố trí và huy động nguồn vốn để xây dựng các khu tái định cư (nguồn vốn nhà nước, nguồn vốn chủ dự án đầu tư).

+ Quy hoạch chi tiết các khu tái định cư phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và quy hoạch sử dụng đất, phù hợp với đặc điểm từng khu vực (đô thị, ven đô thị và nông thôn). Xây dựng các khu tái định cư ở những vị trí thuận lợi; hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tối thiểu phải đạt tiêu chuẩn nông thôn mới đối với khu vực nông thôn, đạt tiêu chuẩn đô thị đối với khu vực đô thị, trong đó: Đường giao thông bảo đảm kết nối với khu vực lân cận, điện chiếu sáng và điện sinh hoạt, hệ thống cấp, thoát nước, thông tin liên lạc, xử lý môi trường; hạ tầng xã hội khu tái định cư phải bảo đảm khả năng tiếp cận các trung tâm thương mại, dịch vụ, vui chơi, giải trí, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, nghĩa trang.

+ Thực hiện các dự án nhà ở xã hội để xem xét giải quyết chỗ ở đối với những trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện bố trí tái định cư theo quy định.

+ Xây dựng khu tái định cư theo hướng phục vụ cho nhiều dự án đầu tư tại địa phương; đa dạng hình thức, quy mô đầu tư. Khẩn trương giải quyết tái định cư cho các hộ tạm cư, không để tình trạng tạm cư kéo dài, gây bức xúc trong nhân dân.

+ Tăng cường công tác xây dựng và quản lý các dự án đầu tư theo quy hoạch, thực hiện nghiêm túc việc thu hồi theo luật định đối với các dự án mà chủ đầu tư không có năng lực tài chính, chậm triển khai thực hiện. Ngăn chặn kịp thời, kiên quyết xử lý tình trạng xây dựng trái phép, lấn chiếm đất quy hoạch, trồng cây, xây dựng nhà đối phó trong các khu đã có quy hoạch và kế hoạch thu hồi đất nhằm trục lợi.

2.3- Về cải cách thủ tục hành chính

- Tiếp tục đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền, phân trách nhiệm trong quá trình tổ chức thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; giảm đầu mối, rút ngắn thời gian, đáp ứng kịp thời yêu cầu về bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phải trực tiếp phụ trách công tác bồi thường, thu hồi đất và hỗ trợ, tái định cư (không giao quyền cho cấp phó); chịu trách nhiệm chính trị, trách nhiệm công vụ nếu để chậm trễ trong công tác bồi thường, thu hồi đất.

- Kiên quyết áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối với các trường hợp cố tình không chấp hành chủ trương thu hồi đất trong khi đã áp dụng đầy đủ các chính sách pháp luật của Nhà nước về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đã vận động thuyết phục theo quy định, nhằm đảm bảo công bằng giữa các đối tượng bị thu hồi đất trong vùng dự án.

- Thể hiện rõ vai trò, chức năng quản lý nhà nước tại địa phương trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất và xây dựng cơ bản, đặc biệt là các địa bàn có tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa cao, các khu vực đầu mối trọng điểm giao thông..., xử lý nghiêm đối với tổ chức, cá nhân buông lỏng công tác này.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, nhằm kịp thời phát hiện, điều chỉnh, bổ sung hoặc kiến nghị Trung ương điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách còn bất cập, không còn phù hợp thực tiễn; phát huy dân chủ cơ sở, kịp thời giải quyết các kiến nghị, khiếu nại của người dân; biểu dương, khen thưởng đơn vị, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện. Kiên quyết xử lý nghiêm,

dứt điểm đối với các tổ chức, cá nhân có biểu hiện tiêu cực, thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

3- Đối với Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp

- Triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) và theo quy định của Luật Đất đai, trong đó cần tập trung một số nội dung:

+ Nâng cao vai trò, lãnh đạo của các cấp ủy đảng, tổ chức đảng trong việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, thu hồi đất trên địa bàn, đảm bảo ổn định đời sống cho người có đất bị thu hồi. Xác định công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất thuộc trách nhiệm của chính quyền các cấp và có sự tham gia của cả hệ thống chính trị; chính quyền các cấp phải cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về chủ trương, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của từng dự án để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành.

+ Chủ động tạo quỹ đất bố trí tái định cư, tạo nguồn vốn để xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội các khu tái định cư phù hợp với điều kiện, phong tục, tập quán của từng vùng; xử lý dứt điểm các trường hợp nợ tái định cư theo đúng quy định của Luật Đất đai.

+ Tiếp tục thực hiện việc tách nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án độc lập theo quy định của pháp luật về đầu tư công và tổ chức thực hiện độc lập việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai.

+ Tiếp tục kiện toàn và ổn định tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động và cơ chế tài chính của tổ chức phát triển quỹ đất kể cả cấp tỉnh và cấp huyện. Đối với cấp tỉnh, cần phải tổ chức đánh giá tổng kết việc thí điểm hoạt động của Ban Quản lý dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư, chức năng hoạt động phải phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế tại địa phương, nghiên cứu sắp xếp tổ chức bộ máy thực hiện nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thành một đơn vị hoạt động theo Luật Đất đai, đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu quả, đủ năng lực tạo lập, quản lý, khai thác quỹ đất; tổ chức thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại các khu tái định cư; thực hiện tốt nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; nhất là việc bố trí nhân lực, năng lực chuyên môn nghiệp vụ để thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, giao lại đất sạch cho nhà đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

+ Đẩy mạnh kiểm tra việc thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; kịp thời xử lý các vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án để báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý.

+ Khai thác hiệu quả quỹ đất phụ cận các công trình kết nối hạ tầng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, có chính sách ưu tiên cho người có đất ở bị thu hồi được giao đất hoặc mua nhà ở trên diện tích đất đã thu hồi theo quy định của pháp luật. Đối với các dự án phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, cần sớm xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách để tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có quyền sử dụng đất tham gia với nhà đầu tư để thực hiện các dự án dưới hình thức chuyển nhượng, cho thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

+ Kiên quyết thu hồi đất của tổ chức, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp sử dụng đất không đúng mục đích, nhất là tại các vị trí có lợi thế, khả năng sinh lợi cao, ngăn chặn thất thoát vốn, tài sản nhà nước.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, nhất là người đứng đầu tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện và phải chịu trách nhiệm nếu để các tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi mình quản lý vi phạm trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Xác định công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, trong đó phải xác định rõ vai trò, trách nhiệm lãnh đạo của các cấp ủy và tính tiên phong gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Đưa kết quả thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là một trong những chỉ tiêu đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ sở; thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các ngành, các cấp để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các dự án. Xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy các cấp và từng cấp ủy viên, người đứng đầu trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên từng địa bàn; kịp thời chỉ đạo giải quyết những tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện để hạn chế tình trạng khiếu nại, tố cáo; nhất là khiếu kiện đông người, phát sinh điểm nóng.

- Bố trí đủ nhân lực làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, kiện toàn và ổn định tổ chức bộ máy để có thể đảm đương tốt nhiệm vụ, trong đó chú trọng chất lượng đội ngũ cán bộ để tiến tới chuyên nghiệp hóa đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Có kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn đối với đội ngũ làm công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; thực hiện tốt việc phối hợp hoạt động giữa các cơ quan, đơn vị và các cấp chính quyền trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư.

4- Phát huy vai trò của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân

- Tăng cường vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội các cấp và nhân dân, nhất là việc giám sát tiến độ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng tại các dự án, tiến độ đầu tư và xây dựng các khu tái định cư; phát hiện và phản ánh kịp thời những vướng mắc, bất cập, sai phạm trong thi hành chính sách, pháp luật về bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ, tái định cư để xử lý.

- Tập trung phối hợp đồng bộ, chặt chẽ, phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ, tái định cư; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, là cầu nối giữa Đảng, chính quyền các cấp với nhân dân, lắng nghe và nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người dân để phối hợp với chính quyền xem xét giải quyết thỏa đáng những nhu cầu, quyền lợi chính đáng của người dân.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện cho nhân dân giám sát việc thực hiện dự án đầu tư, thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết tốt đối với những tồn tại, vướng mắc phát sinh.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Các cấp ủy đảng, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo triển khai quán triệt, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Nghị quyết này đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân, người lao động và các tổ chức, đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả; xác định đây là một nhiệm vụ chính trị đặc biệt quan trọng của địa phương mình, là tiêu chí để xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp.

2- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo cụ thể hóa Nghị quyết của Tỉnh ủy thành các cơ chế, chính sách liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và có kế hoạch giám sát thường xuyên việc tổ chức thực hiện đảm bảo đúng quy định pháp luật.

3- Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết, đảm bảo ngân sách thực hiện, xác định rõ những nội dung cần triển khai thực hiện, có giải pháp khả thi, thời gian, lộ trình thực hiện phù hợp; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cấp, từng ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết; tham mưu

Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh chỉ đạo sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết.

4- Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân nâng cao nhận thức, tự giác chấp hành quy định pháp luật về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội trong tổ chức thực hiện công tác này.

5- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tham mưu xây dựng kế hoạch tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo các cơ quan báo chí, phát thanh - truyền hình tuyên truyền nội dung Nghị quyết 3-đến cán bộ, đảng viên, các tổ chức và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh.

6- Ban Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp các cơ quan chức năng hướng dẫn, cụ thể hóa nhiệm vụ công tác Dân vận trong việc tham gia vận động các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Trong quá trình triển khai thực hiện, căn cứ vào tình hình thực tiễn trên địa bàn tỉnh, Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời tham mưu, đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh chỉ đạo. Nghị quyết này được phổ biến đến các chi bộ đảng.

Nơi nhận:

- Các đ/c TUV,
- Các cấp ủy đảng trực thuộc tỉnh,
- Các BCSD, đảng đoàn, BTV Tỉnh đoàn,
- Các ban đảng tỉnh,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- CP.VPTU - D, KTXH, TH,
- Lưu VPTU,

Đồng kính gửi:

- Bộ Chính trị,
- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- VP, các ban đảng TW (a+b).



Nguyễn Hồng Lĩnh

BẢNG 1 - BẢNG TỔNG HỢP DỰ KIẾN NHU CẦU TÁI ĐỊNH CƯ TẠI CÁC DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
(Kèm theo Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 22/4/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên dự án cần bố trí tái định cư	Nhu cầu tái định cư (số lô tái định cư dự kiến)	Số lô tái định cư còn nợ chưa bố trí tái định cư đối với	Khu tái định cư dự kiến bố trí	Diện tích dự kiến bố trí TĐC (m2)	Thời gian dự kiến bố trí TĐC			Ghi chú
						Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026-2027	
I	Thành phố Biên Hòa								
1	Đường ven sông Đồng Nai và Kè sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	16	16	Khu dân cư với các dịch vụ thương mại, nhà ở cao cấp và tái định cư tại phường Bửu Long; Khu tái định cư Tân Biên hoặc Tân Hạnh	1.280m2 - 1.600m2	16	0	0	
2	Đường nối từ đường Võ Thị Sáu sang đường Hưng Đạo Vương tại phường Quyết Thắng	3	3	Khu dân cư với các dịch vụ thương mại, nhà ở cao cấp và tái định cư tại phường Bửu Long; và các khu tái định cư khác trên địa bàn thành phố	240m2 - 300m2	3	0	0	
3	Khu tái định cư 6,3ha phường Bửu Long	39	0	Khu dân cư với các dịch vụ thương mại, nhà ở cao cấp và tái định cư tại phường Bửu Long; và các khu tái định cư khác trên địa bàn thành phố	3.120m2 - 3.900m2	39	0	0	
4	Dự án Nâng cấp, cải tạo nút giao đường Nguyễn Du với đường N4 phường Bửu Long	3	0	Khu dân cư với các dịch vụ thương mại, nhà ở cao cấp và tái định cư tại phường Bửu Long; và các khu tái định cư khác trên địa bàn thành phố	240m2-300m2	3	0	0	
5	Khu tái định cư phường Bình Đa	6	0	Khu tái định cư phường Bình Đa	480m2-600m2	6	0	0	
6	Trường THCS Hòa Hưng phường An Hòa	7	0	Khu tái định cư phường An Hoà 0,4ha	560m2-700m2	7	0	0	
7	Mở rộng, tôn tạo đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh tại phường Hiệp Hòa	2	0	Khu tái định cư phường Hiệp Hoà	160m2-200m2	2	0	0	
8	Tôn tạo lăng mộ Trịnh Hoài Đức tại phường Trung Dũng	52	0		4.160m2-5.200m2	52	0	0	
9	Nhà máy xử lý nước thải tại phường Tam Hiệp	4	0	Khu tái định cư phường Tam Hiệp	320m2-400m2	4	0	0	

10	Trường Tiểu học Phan Đăng Lưu tại phường Thanh Bình	2	0		160m2-200m2	2	0	0	
11	Đường từ nút giao Vườn Mít đến đường Võ Thị Sáu	500	500	Khu tái định cư phường Thống Nhất và phường Tân Mai.	40.000m2-50.000m2	500	0	0	Trường hợp bố trí không kịp tiến độ trong
12	Xây dựng Trường tiểu học Tân Hiệp tại phường Tân Hiệp	14	0	Khu tái định cư phường Tân Hiệp	1.120m2-1.400m2	14	0	0	
13	Khu dân cư phục vụ Tái định cư phường Tân Vạn	50	0	Khu dân cư phục vụ Tái định cư phường Tân Vạn	4.000m2-5.000m2	50	0	0	
14	Kè gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ Đình Phước Lư đến Khu dân cư dọc sông Gạch Cát phường Quyết Thắng - Thống Nhất	3	0		240m2 - 300m2	3	0	0	
15	Đường D23 theo quy hoạch (đường vào khu tập thể nhà máy dệt Thống Nhất)	5	0	Khu tái định cư phường Thống Nhất và phường Tân Mai.	400m2-500m2	5	0	0	
16	Trường Tiểu Học Long Bình 1	25	0	Khu TDC phường Long Bình 14,2 ha	2.000m2-2.500m2	25	0	0	
17	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường Thống Nhất và phường Tân Mai.	150	0	Khu tái định cư phường Thống Nhất và phường Tân Mai.	12.000m2-15.000m2	80	70	0	
18	Trường Tiểu học Trảng Dài 4 tại phường Trảng Dài	2	0	Các khu tái định cư lân cận hiện có trên địa bàn thành phố Biên Hoà	160m2-200m2	2	0	0	
19	Dự án đường ven sông Cái đoạn nối từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toàn	613	0	Các khu tái định cư lân cận hiện có trên địa bàn thành phố Biên Hoà	49.040m2-61.300m2	350	263	0	Đang phê duyệt bồi thường
20	Dự án Khu dân cư phục vụ tái định cư 9,4ha Tại phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa	61	0	Khu dân cư phục vụ tái định cư 9,4ha tại phường Tam Hiệp	4.880m2-6.100m2	61	0	0	Đang tiến hành phê duyệt phương án bồi + 18 trường hợp TĐC xét hộ chính (14 hộ
21	Xây dựng đường Hương lộ 2 nối dài (đoạn 1 - giai đoạn 1) tại xã Long Hưng	33	0	Khu dân cư xã Long Hưng	2.640m2-3.300m2	33	0	0	
22	Kè gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ cầu rạch cát đến cầu ghềnh phường Hiệp Hoà	13	0		1.040m2-1.300m2	13	0	0	
23	Xây dựng khu dân cư Trảng An	34	0	Khu dân cư Trảng An	2.720m2-3.400m2	34	0	0	18 hộ/34 lô
24	Dự án chống ngập úng khu vực suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan tại thành phố Biên Hoà	10	0	Khu tái định cư phường Phước Tân; Khu tái định cư phường Long Bình	800m2-1.000m2	10	0	0	
25	Dự án xây dựng mở rộng cơ sở Viện Pháp y Tâm thần Trung ương Biên Hòa.	4	0		320m2-400m2	4	0	0	
26	Đường trục trung tâm thành phố	206	0	Khu tái định cư phường Thống Nhất và phường Tân Mai; Khu tái định cư Bửu Hoà	16.480m2-20.600m2	206	0	0	
27	Đường cao tốc Biên Hoà - Vũng Tàu	904	0		72.320m2-90.400m2	904	0	0	

28	Khu dân cư và tái định cư Hiệp Hòa	17	0	Khu dân cư và tái định cư Hiệp Hòa	1.360m2-1.700m2	0	17	0	
29	Tuyến đường QH-D6 và QH-D35 theo quy hoạch tại phường Tân Vạn	25	0		2.000m2-2.500m2	25	0	0	
30	Đường nối từ đường ven sông Cái đến đường Võ Thị Sáu	20	0		1.600m2-2.000m2	0	0	20	
31	Khu dân cư theo Quy hoạch tại phường Thống Nhất	82	0	Khu tái định cư phường Thống Nhất và phường Tân Mai.	6.800m2-8.500m2	42	40	0	
32	Khu dân cư với các dịch vụ thương mại, nhà ở cao cấp và tái định cư tại phường Bửu Long	159	0	Khu dân cư với các dịch vụ thương mại, nhà ở cao cấp và tái định cư tại phường Bửu Long	14.320m2-17.900m2	75	84	0	
33	Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Hồ Nai (giai đoạn 2) tại phường Phước Tân, thành phố Biên Hoà	9	0	Khu tái định cư phường Long Bình; Khu tái định cư phường Phước Tân 27ha	720m2-900m2	9	0	0	
34	Nhà ở cao tầng kết hợp trường mẫu giáo tại phường Long Bình tân	5	0	Khu tái định cư phường Long Bình Tân	400m2-500m2	5	0	0	Chưa có kế hoạch sử dụng đất 2024
35	Khu dân cư Đồng Thuận 10.4ha phường Phước Tân	1	0	Khu tái định cư phường Phước Tân 27ha	80m2-100m2	1	0	0	
	Tổng (I)	3.079	519			2.585	474	20	

II. Huyện Nhơn Trạch

1	Đường Liên cảng (GD1)	251		Khu tái định cư Phú Đông (giai đoạn 2)	25.100		251		
2	Đường số 3 (giai đoạn 1) đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường số 1	20		Khu tái định cư Phước Thiện	2.000		20		
3	Đường số 7 (đoạn từ đường KCN V đến đường Nguyễn Ái Quốc) giai đoạn 1	50		Khu tái định cư Phước An	5.000		50		
4	Nâng cấp mở rộng đường 25B đoạn từ trung tâm huyện Nhơn Trạch đến Quốc lộ 51	200		Khu tái định cư Phước An	20.000	200			
5	Đường vành đai 3 TP Hồ Chí Minh (giai đoạn 1A)	200		Khu tái định cư Phú Hội	20.000	200			đã giao 120, còn 26 lô tiếp
6	Dự án đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh (dự án thành phần 4), đoạn qua xã Long Tân, xã Phú Thanh và xã Vĩnh Thanh huyện	250 lô		Khu tái định cư Phước An		250 lô			đã xét 129 lô chuẩn bị giao trong quý
7	Đường 25C đoạn từ Hùng Vương tại xã Long Thọ đến Quốc lộ 51 huyện Long Thành	100		Khu tái định cư Phước An	10.000	100			
8	Dự án đường 25C (giai đoạn 1) đoạn từ đường Nguyễn Hữu Cánh đến đường Hùng Vương tại xã Long Tân, xã Phú Thanh và xã Vĩnh Thanh	200		Khu tái định cư Phước An	20.000	200			đã giao 77 lô, còn lại 22 lô tiến giao và

9	Đường Vào Làng Đại Học	50		Khu tái định cư Phước An	5.000			50	
10	Đường Vào Khu Công Nghiệp ông Kèo	52		Khu tái định cư Phước An	5.200			52	
11	Kiên cố hóa tuyến kênh Bà Ký (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường 25C)	5		Khu tái định cư Phước Thiện	500	5			
12	Khu tái định cư Hiệp Phước 3 (giai đoạn 2), tại thị trấn Hiệp Phước	100		Khu tái định cư Phước An	10.000	100			
13	Dự án Khu Dịch vụ hậu cần (Khu trung tâm Logistic) - Cảng Phước An tại xã Phước An, huyện Nhơn Trạch	17		Khu tái định cư Phước An	1.700	17			
14	Khu công nghiệp Ông Kèo tại xã Phước Khánh	150		Khu tái định cư Phú Đông (giai đoạn 2)	15.000	150			
15	Khu chợ và khu dân cư Dân Xuân	1		Khu tái định cư Hiệp Phước 3 (giai đoạn 2)	100		1		
16	Dự án khu dân cư tại thị trấn Hiệp Phước (Công ty Thăng Long Home - Hiệp Phước)	20		Khu tái định cư Hiệp Phước 3 (giai đoạn 2)	2.000		20		
17	Khu dân cư Long Tân do Công ty Cổ phần Free Land làm chủ đầu tư tại xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch	19		Khu tái định cư Phước An và khu tái định cư Phú Hội	1.900	19			
18	Khu dân cư Đại Phước do Công ty Cổ phần địa ốc Bảo Cường làm chủ đầu tư tại xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch	30		Khu tái định cư Phú Đông (giai đoạn 1)	3.000	30			
19	Khu đô thị du lịch sinh thái Six Senses Sài Gòn River do Công ty TNHH Hai Dung làm chủ đầu tư tại xã Đại Phước, huyện Nhơn	24		Khu tái định cư Phú Đông (giai đoạn 1)	2.400	24			
20	Khu dân cư Việt Thuận Thành	120		Khu tái định cư Phú Đông (giai đoạn 2)			120		
21	Khu dân cư Thảo Điền	100		Khu tái định cư Phú Đông (giai đoạn 2)			100		
22	Khu dân cư Long Tân (Cty Đông Sài Gòn làm chủ đầu tư)	120		Khu tái định cư Long Tân (Đông Sài Gòn)			120		
	Tổng (II)	1.829			148.900	1.045	682	102	
III. Huyện Định Quán									
1	Hồ chứa nước Cà Ròn tại xã Gia Canh	74	47	Khu tái định cư ấp 3 xã Gia Canh	5724,3	74			Khu tái định cư đang xây
2	Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự huyện tại xã Phú Vinh	5	1	Khu tái định cư ấp 3 xã Phú lợi	117	5			Khu tái định cư đang xây

3	Di dời dân Đồi 112 (đợt 1,2,3 và đợt 4) tại thị trấn Định Quán	71	2	trấn Định Quán; Khu tái định cư Lý Thái Tổ	359,5	71			
4	Cầu treo Thanh Sơn tại xã Thanh Sơn	1	1	Khu tái định cư ấp 2 xã Thanh Sơn	140	1		Khu tái định cư đang xây	
5	Tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp đường Tà Lài - Trà Cỏ (đoạn từ Km1+600 đến Km5+600)	2	2	trấn Định Quán; Khu tái định cư Lý Thái Tổ	420	2			
6	Khu dân cư thương mại và chợ ngã ba Gia Canh tại thị trấn Định Quán	40	40	Khu tái định cư Khu thương mại chợ Gia Canh	4800		40		Đang thực hiện công tác bồi thường
7	Chợ Thanh Sơn	7	3	xã Thanh Sơn	150	7			
8	Khu tái định III	45		Khu tái định III (bố trí tái định cư tại chỗ)	5400			45	
9	Xây dựng mở rộng Đường Lý Thái Tổ	20		Khu tái định cư Lý Thái Tổ thị trấn Định Quán	2400	20			
10	Đường vành đai thị trấn Định Quán	50		Khu tái định cư Lý Thái Tổ thị trấn Định Quán	6000	50			
11	Khu công nghiệp Định Quán (giai đoạn 2)	40		Khu tái định cư đô thị La Ngà	5600			40	
12	Di dân Phân trường 3 Ban quản lý rừng PH Tân Phú (kể cả khu du lịch sinh thái Bàu nước sôi và khu Thác Mai)	35		Khu tái định cư ấp 3 gia Canh	5250	35			
13	Cao tốc Dầu giây- Tân Phú (đoạn qua huyện Định Quán)	250		định cư ấp Cầu ván xã Phú Túc, Khu tái định cư khu	35000		250		
14	Đường 770B tại xã Suối Nho	10		Khu tái định cư ấp Cầu ván xã Phú Túc,	1400		10		
15	Khu phụ cận Đường 770B tại xã Suối Nho	50		tái định cư tại chỗ và Khu tái định cư ấp Cầu ván xã	7000		50		
16	Trường MN Hoa Hồng tại thị trấn Định Quán	10		định cư I, thị trấn Định Quán; Khu tái định cư Lý Thái Tổ	1200	10			
17	Nâng cấp sửa chữa đường 118 tại xã Phú Vinh và Phú Tân	1		Khu tái định cư ấp 5 xã Phú Tân,	140	1			
18	Nâng mở rộng trường Trung Vương tại thị trấn Định Quán	10		Khu tái định cư Lý Thái Tổ thị trấn Định Quán	1200		10		
19	Đường Ngô Sỹ Liên (đoạn từ đường Lý Thái Tổ- đường Nguyễn Huệ)	4		Khu tái định cư Lý Thái Tổ thị trấn Định Quán	240		4		
	Tổng (III)	725	96		82540,8	276	364	85	

IV Huyện Tân Phú

1	Đường Nguyễn Du TT Tân Phú huyện Tân Phú	6		Khu tái định cư 9,7ha	840	6			157
2	Nâng cấp, mở rộng đường be 129	9			1.260	9			
3	Đường Hùng Vương nối dài, huyện Tân Phú	30			4.200	30			
4	Đường Nguyễn Chí Thanh, Thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú	35			4.900	35			
5	Xây dựng đường Nguyễn Văn Cừ, huyện Tân Phú	30			4.200	30			
6	Cầu Mô Vẹt	2			280	2			
7	Mở rộng trường Mầm non Phú An	1			140	1			
8	Mở rộng trường tiểu học Nguyễn Thị Định	15			2.100		15		
9	Nâng cấp mở rộng đường tỉnh ĐT.774B	29			4.060		29		
10	Đường be 129 (Giai đoạn 2)	2		Khu tái định cư 15ha	260		2		715
11	Khu tái định cư 15ha huyện Tân Phú	190			24.700		150	40	
12	Nâng cấp trường TH Phù Đồng	10			1.300		5	5	
13	Các dự án khác trên địa bàn huyện	200			26.000			200	
14	Đường bộ cao tốc Tân Phú- Bảo Lộc	102		Khu tái định cư xã Phú Bình				102	
15	Đường bộ cao tốc Dầu giây - Tân Phú	100						100	
	Tổng (IV)	761			74.240	113	201	447	
V	Huyện Vĩnh Cửu								

1	Khu công nghiệp Thạnh Phú	49	49	Khu TĐC xã Bình Lợi (số 1)	100m2		49		
2	Khu công nghiệp Sông Mỹ	4	3	Khu TĐC 3,8 ha Tân An	120m2	4			
3	Cụm công nghiệp Tân An	8	-	Khu TĐC 3,8 ha Tân An	120m2	8			
4	ĐT 768 từ cầu Thủ Biên đến TTVA	1	-	Khu TĐC 3,8 ha Tân An	120m2	1			
5	Đường điện 500KV Sông Mỹ - Tân Định	1	-	Khu TĐC 3,8 ha Tân An	120m2	1			
6	KDC tập trung tại xã Thạnh Phú	90	70	Khu TĐC Miền Đông	100m2	70	20		
7	Hạ tầng điểm dân cư số 6	27	2	Điểm dân cư số 6 tại xã Hiếu Liêm	300m2	2	25		
8	Hương lộ 15	39	-	Khu TĐC xã Bình Lợi (số 1)	100m2		39		
9	VP làm việc của Công ty chứa cát Đồng Tân	20	-	Khu TĐC Khu phố 1 tại TTVA	100m2		20		
10	Trường THCS Vĩnh An	7	-	Khu TĐC Khu phố 1 tại TTVA	100m2		7		
11	Di dời dân cư Đồng 4	198	33	Điểm dân cư số 6 tại xã Hiếu Liêm	300m2	33	165		
12	Nhà máy thủy điện Trị An mở rộng	24	-	Điểm dân cư số 6 tại xã Hiếu Liêm	300m2		24		
13	Xây dựng kho V1	1	-	Khu TĐC 3,8 ha Tân An	120m2	1			
	Tổng (V)	469	157			120	349		
VI Huyện Thống Nhất									
1	Dự án Đường song hành Quốc lộ 1A qua thị trấn Dầu Giây	4		Khu dân cư phục vụ tái định cư Bàu Hàm 2; Khu dân cư Xóm Hố A Hưng Lộc	400,0	4			
2	Dự án Đường song hành Quốc lộ 20 qua khu Trung tâm hành chính huyện	4		Khu dân cư phục vụ tái định cư Bàu Hàm 2; Khu dân cư Xóm Hố A Hưng Lộc	400,0	4			

3	Dự án Đường N7 nối dài qua xã Bàu Hàm 2 và thị trấn Dầu Giây	5		Khu dân cư phục vụ tái định cư Bàu Hàm 2; Khu dân cư Xóm Hố A Hưng Lộc	500,0	5			
4	Đường trục chính D8 (Từ đường N1 đến QL1A)	1		Khu dân cư phục vụ tái định cư Bàu Hàm 2; Khu dân cư Xóm Hố A Hưng Lộc	100,0	1			
5	Dự án nạo vét, kè suối reo qua 5 xã kiểm tân	80		Khu dân cư phục vụ tái định cư B1 (13,21ha); Khu dân cư phục vụ tái định cư Hưng Lộc (14,63ha); Khu dân cư phục vụ tái định cư Hưng Lộc - GĐ2 (9,28ha)	8.000,0			80	
6	Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT.769	517		Khu dân cư phục vụ tái định cư B1 (13,21ha); Khu dân cư phục vụ tái định cư Hưng Lộc (14,63ha); Khu dân cư phục vụ tái định cư Hưng Lộc - GĐ2 (9,28ha)	51.700,0			517	
7	Dự án đầu tư xây dựng đường 770B	35		Khu dân cư phục vụ tái định cư B1 (13,21ha); Khu dân cư phục vụ tái định cư Hưng Lộc (14,63ha); Khu dân cư phục vụ tái định cư Hưng Lộc - GĐ2 (9,28ha)	3.500,0			35	
8	Dự án đầu tư xây dựng đường Trảng Bom - Xuân Lộc	10		Khu dân cư phục vụ tái định cư B1 (13,21ha); Khu dân cư phục vụ tái định cư Hưng Lộc (14,63ha); Khu dân cư phục vụ tái định cư Hưng Lộc - GĐ2 (9,28ha)	1.000,0			10	
9	Dự án 41 ha dọc tuyến đường ĐT.769	32		Khu dân cư phục vụ tái định cư B1 (13,21ha); Khu dân cư phục vụ tái định cư Hưng Lộc (14,63ha); Khu dân cư phục vụ tái định cư Hưng Lộc - GĐ2 (9,28ha)	3.200,0			32	
10	Dự án 24 ha dọc tuyến đường ĐT.769	33		Khu dân cư phục vụ tái định cư B1 (13,21ha); Khu dân cư phục vụ tái định cư Hưng Lộc (14,63ha); Khu dân cư phục vụ tái định cư Hưng Lộc - GĐ2 (9,28ha)	3.300,0			33	

11	Dự án đường hai bên suối hòn (GD 2)	2		Khu dân cư phục vụ tái định cư B1 (13,21ha); Khu dân cư phục vụ tái định cư Hưng Lộc (14,63ha); Khu dân cư phục vụ tái định cư Hưng Lộc - GD2 (9,28ha)	200,0			2	
12	Dự án Đường song hành phía tây giai đoạn 2	90		Khu dân cư phục vụ tái định cư B1 (13,21ha); Khu dân cư phục vụ tái định cư Hưng Lộc (14,63ha); Khu dân cư phục vụ tái định cư Hưng Lộc - GD2 (9,28ha)	9.000,0			90	
13	Dự án đường song hành phía tây giai đoạn 1	70		Khu dân cư phục vụ tái định cư B1 (13,21ha); Khu dân cư phục vụ tái định cư Hưng Lộc (14,63ha); Khu dân cư phục vụ tái định cư Hưng Lộc - GD2 (9,28ha)	7.000,0			70	
14	Dự án đường Trường Mầm non Gia Tân 1 đến đường suối reo	1		Khu dân cư phục vụ tái định cư B1 (13,21ha); Khu dân cư phục vụ tái định cư Hưng Lộc (14,63ha); Khu dân cư phục vụ tái định cư Hưng Lộc - GD2 (9,28ha)	100,0			1	
15	Dự án Đường N13 qua thị trấn Dầu Giây và Hưng Lộc GD2	130		Khu dân cư phục vụ tái định cư B1 (13,21ha); Khu dân cư phục vụ tái định cư Hưng Lộc (14,63ha); Khu dân cư phục vụ tái định cư Hưng Lộc - GD2 (9,28ha)	13.000,0			130	
16	Dự án Đường N13 qua ấp Phan Bội Châu thị trấn Dầu Giây GD1	50		Khu dân cư phục vụ tái định cư B1 (13,21ha); Khu dân cư phục vụ tái định cư Hưng Lộc (14,63ha); Khu dân cư phục vụ tái định cư Hưng Lộc - GD2 (9,28ha)	5.000,0			50	
17	Dự án xây dựng khu dịch vụ, thương mại Logistics tại xã Lộ 25	17		Khu dân cư phục vụ tái định cư B1 (13,21ha); Khu dân cư phục vụ tái định cư Hưng Lộc (14,63ha); Khu dân cư phục vụ tái định cư Hưng Lộc - GD2 (9,28ha)	1.700,0			17	
Tổng (VI)		1081			108100	14		1067	

VII Huyện Long Thành								
1	Dự án Khu đô thị dịch vụ Long Thành 1 tại An Phước	3		Khu tái định cư Xuân An	197,6 m2 - 218,4m2	3		chưa có Hs
2	Dự án tuyến đường Tôn Đức Thắng; Đường Bùi Thị Xuân	5		Khu tái định cư Lâm Trường	96,6m2 - 126,0m2	3	2	
3	Dự án đường Bùi Thị Xuân	26		Khu tái định cư Liên Kim Sơn	117,6m2-126,7m2	15	11	
4	Dự án đường 25C; Đường vào khu Logistic; Cụm công nghiệp Long Phước 1; Trường Tiểu học Thái Thiên	34		Khu tái định cư An Thuận	92,5m2	20	14	
5	Dự án Khu công nghiệp Phước Bình và dự án Mở rộng đường Phước Bình từ Quốc lộ 51 đến khu công nghiệp Phước Bình	7	07	Khu tái định cư Phước Bình	226m2 - 402,5m2		4	3
6	Dự án Nâng cấp tuyến đường Lê Duẩn	5		Khu đất Trụ sở Hội cựu chiến binh cũ	83,2m2 - 118,7m2	3	2	
7	Dự án đường Nguyễn Hữu Cánh (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Vũ Hồng Phô)	67		Khu tái định cư Long Đức	100m2 - 125m2	50	17	
8	Dự án đường Phước Bình - Bầu Cạn - Cẩm Đường và dự án đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	68		Khu tái định cư Long Phước	80m2 - 125m2	40	28	
9	Dự án Nâng cấp tuyến đường Lê Duẩn	38		Khu tái định cư Trung tâm dịch vụ công ích cũ và Trung tâm Phát triển Quĩ đất cũ	80,1m2 - 120,2m2	20	18	
10	Dự án Nâng cấp tuyến đường Lê Duẩn	21		Khu tái định cư Hợp tác xã nông nghiệp	80,9m2 - 120,2m2	15	6	
11	Khu tái định cư tại thị trấn Long Thành (47 ha)	90		khu tái định cư 47 ha			70	20
12	Dự án khu công nghệ cao Amata 410	1.050		khu tái định cư 47 ha	80m2 - 125m2		700	350
13	Dự án đường Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	1.563		Khu tái định cư Long Đức và Khu tái định cư Long Phước	80m2 - 125m2	1000	563	
14	Mở rộng đường 769B	105		Khu tái định cư Lộc An - Bình Sơn		105		chưa có hs
15	Tuyến đường N7 (tuyến đường tiếp nối từ Quốc lộ 51 đến khu công nghệ cao)	200		khu tái định cư 47 ha và khu tái định cư Long Đức	80m2 - 125m2	200		chưa có hs
16	Dự án đường 770B	35		Khu tái định cư Long Đức		35		chưa có hs
17	02 Tuyến đường giao thông kết nối (tuyến số 2) thuộc Cảng hàng không quốc tế Long Thành	250		Khu tái định cư Lộc An - Bình Sơn	80m2 - 300m2	250		

18	Cảng hàng không quốc tế Long Thành	500		Khu tái định cư Lộc An - Bình Sơn	80m2 - 300m2	500			
	Tổng (VII)	4.067				2.259	1.435	373	
VIII Huyện Trảng Bom									
1	Đường Lê Hồng Phong	8		Khu tái định cư 5,3 ha thị trấn Trảng Bom	800	8			
2	Đường 3/2	2		Khu tái định cư 5,3 ha thị trấn Trảng Bom	200	2			
3	Đường Nguyễn Tri Phương	1		Khu tái định cư 5,3 ha thị trấn Trảng Bom	100	1			
4	Đường Cách Mạng Tháng Tám	8		Khu tái định cư 5,3 ha thị trấn Trảng Bom	800	8			
5	Trụ Sở UBND thị trấn Trảng Bom	10		Khu tái định cư 5,3 ha thị trấn Trảng Bom	1.000	10			
6	KCN Hồ Nai	148		Khu tái định cư Bình Minh	14.800	148			
7	KCN Sông Mây	102		Khu tái định cư Bình Minh	10.200	102			
	Tổng (VIII)	279			27.900	279			
IX Huyện Cẩm Mỹ									
1	Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT.773	51		- Bố trí tái định cư thuộc một phần Khu dân cư số 01, thị trấn Long Giao.	3600		51		
		5					5		
		77					77		
		10					10		
		35					35		
2	Dự án Vùng phụ cận Tỉnh lộ 773	6					6		

3	Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4	46		Bố trí phần diện tích còn lại tại khu dân cư và tái định cư Nhân Nghĩa	1600		46		
		44					44		
4	Dự án đầu tư xây dựng Tỉnh lộ ĐT.770B	3		- Khu dân cư có bố trí tái định cư xã Xuân Quế; - Khu dân cư số 02, thị trấn Long Giao	360		3		
		17					17		
5	Dự án đường Xuân Quế đi Long Khánh	1		-Khu dân cư có bố trí tái định cư xã Xuân Quế	50		1		
		2					2		
6	Đề án khai thác quỹ đất vùng phụ cận Tỉnh lộ ĐT770B	10		- Khu dân cư có bố trí tái định cư xã Xuân Quế; - Khu dân cư số 02 thị trấn Long	180		10		
7	Đề án khai thác quỹ đất vùng phụ cận đường Vành Đai Long Giao	3		- Khu dân cư số 02, thị trấn Long Giao	50		3		
TỔNG(IX)		310			5840		310		

X Huyện Xuân Lộc

1	Dự án Đường Nguyễn Thị Minh Khai (giai đoạn 2), huyện Xuân Lộc.	1		Khu dân cư và tái định cư 2,35ha, tại thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc		1			
2	Dự án Nâng cấp, mở rộng Đường Hoàng Đình Thương	1		Khu dân cư và tái định cư 2,35ha, tại thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc		1			
Tổng (X)		2				2			

XI Thành phố Long Khánh

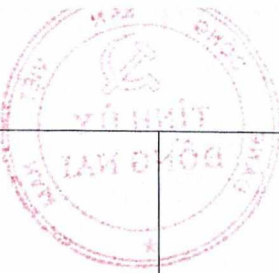
1	Dự án đường giao thông và công viên dọc theo đường Huỳnh Văn Nghệ	60		Bảo Vinh		60			
2	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Xuân Quế - Hàng Gòn	12		Xuân Tân		12			
3	Dự án tuyến đường QL1A vòng tránh nội ô thành phố Long khánh	100		Bàu Sen				100	
4	Mở Rộng Khu Công nghiệp Suối Tre phường Suối Tre	100		Xuân Tân			100		

5	Kiên cố hóa Suối Rết + Cây xanh đọc suối rết	140		Bảo Vinh		140			
6	Đường Vành đai 2	150		Bàu Sen			150		
7	Đường Điều Xiển	110		Bàu Sen			110		
8	Đầu tư xây dựng tuyến đường ĐT 772 (Trảng Bom - Xuân Lộc)	50		Bàu Sen				50	
9	Dự án mở rộng nút giao đường Hùng Vương - QL1	8		Bảo Vinh		8			
10	Dự án đường Lý Thái Tổ	58		Bàu Sen			58		
11	Dự án tuyến đường Nguyễn Trung Trực	83		Bàu Sen			83		
12	Đường 770B	9		Xuân Tân		9			
13	Đường Nguyễn Văn Trỗi	50		Bàu Sen				50	
14	đường Ngô Quyền	30				30			
15	Khu Phức hợp phường Xuân An, Xuân Hòa	548		Xuân Tân				548	
16	Khu nhà ở Phường Xuân Hòa	103		Xuân Tân		103			
	Tổng (XII)	1611				362	501	748	
	TỔNG CỘNG (I)-(XII)	13.903	772			7.055	4.006	2.842	



BẢNG 2- TỔNG HỢP SỐ LIỆU CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 22/4/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai)

STT	Khu tái định cư đã xây dựng hoàn thành			Khu tái định cư đang xây dựng nhưng chưa hoàn thành				Khu tái định cư dự kiến xây dựng					Diện tích khu TĐC (m2)	Nguồn kinh phí xây dựng khu tái định cư	Ghi chú
	Tên khu tái định cư	Địa điểm cụ thể	Tổng số lô của khu tái định cư chưa bố trí	Tên khu tái định cư	Địa điểm cụ thể	Tổng số lô của khu tái định cư	Thời điểm hoàn thành (năm nào)	Tên khu tái định cư	Địa điểm cụ thể	Tổng số lô của khu tái định cư	Thời điểm xây dựng (năm nào)	Thời điểm hoàn thành (năm nào)			
I	Thành phố Biên Hòa														
1	Khu tái định cư 6,2ha P.Bửu Long	P. Bửu Long	2												dự kiến vận động các hộ thuộc diện giải tỏa dự án đường ven sông
2	Khu dân cư Đình Tân Lại, tại P. Bửu Long 9,7ha	P. Bửu Long	1												Dự kiến bố trí dự án TT kiểm định sở XD
3	Khu dân cư phục vụ TĐC KP1 phường Bửu Long	P. Bửu Long	1												còn 01 lô trống nhưng vướng quy hoạch mở đường
4	Khu 10 lô đất tại Phường Bửu Long (trước đây là 10 căn tạm cư)	P. Bửu Long	10												Chờ ý kiến của Phòng TNMT về việc liên quan đến quy hoạch sử dụng đất
5	Khu dân cư khu phố Bình Dương	P. Long Bình Tân	8												Dự kiến bố trí TĐC dự án mở rộng Cảng Đồng Nai và các dự án trên địa bàn
6	Khu dân cư khóm 3 p Long Bình Tân	P. Long Bình Tân	1												Bố trí cho dự án 3 suối (suối Chùa, suối Cầu Quan, suối Bà Lúa)
7	Khu tái định cư KP2 phường Long Bình Tân (vị trí lô gạch Quân đoàn 4)	P. Long Bình Tân	2												Vướng hiện trạng hộ dân chưa di dời



8	Khu phường Tân Biên (mở rộng)	P. Tân Biên	62											Chưa có Quyết định giao đất của CQ có thẩm quyền, chưa có giá hạ tầng để bố trí tái định cư
9	KDC p An Bình mở rộng (Cty Sonadezi)	P. An Bình	2											quỹ đất dự kiến bố trí TĐC cho các hộ giải tỏa dự án
10	Khu tái định cư 14,2ha tại phường Long Bình	P. Long Bình	30											Dự kiến bố trí TĐC cho các hộ thuộc diện giải tỏa dự án chống ngập úng 3 Suối: Suối Chùa, Suối Cầu Quan, Suối Bà Lúa
11	XD hạ tầng KDC P. Hóa An 1ha	P. Hóa An	1											Xây dựng chợ Hóa An
12	Khu tái định cư Tân Phong 1	P. Tân Phong	50											Đang tiếp tục vận động các hộ dân bốc thăm vào khu TĐC đã hoàn thiện hạ tầng
13	Khu tái định cư Hiệp Hòa (phục vụ cầu đường bộ ĐN)	P. Hiệp Hòa	1											còn 01 lô trống nhưng vướng quy hoạch mở đường
14	Khu tái định cư phường Hiệp Hòa (gần UBND phường)	P. Hiệp Hòa	4											
15	Khu tái định cư p. Tam Hiệp	P. Tam Hiệp	2											
16	Khu dân cư và tái định cư 18ha Tam Phước	P. Tam Phước	1											

17	Khu tái định cư Sơn Tiên tại phường An Hòa	P. An Hòa	50												Khu tái định cư thực hiện 2 giai đoạn để bố trí TĐC cho các hộ tại dự án (các lô này hiện chủ đầu tư chưa hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư và giao đất để các hộ dân lập thủ tục cấp giấy chứng nhận)
18	Khu TĐC Phước Hữu P. Bửu Hòa	P. Bửu Hòa	1												
19	Khu dân cư và tái định cư phường Phước Tân	P. Phước Tân	5												Đang triển khai bố trí TĐC
20	Khu tái định cư phục vụ dự án đường QL1A (đoạn tránh TP Biên Hòa), (Khu TĐC Phước Tân)	P. Phước Tân	15												21 lô còn do tạm ngưng bố trí TĐC đối với các hộ giải tỏa dự án chỉnh trang khu công nghiệp Biên Hòa I tại phường An Bình để ưu tiên quỹ đất bố trí TĐC cho các hộ thuộc diện giải tỏa dự án chống ngập úng tại phường Phước Tân
21	Khu tái định cư Hố Nai	P. Hố Nai	3												
22	KDC và TĐC Tân Biên 2 diện tích khoảng 3,414ha (khu hàng hóa Cty Tín Nghĩa)	P. Tân Biên	13												Dự kiến bố trí TĐC cho các hộ thuộc diện giải tỏa dự án chống ngập úng 3 Suối: Suối Chùa, Suối Cầu Quan, Suối Bà Lúa

23	Khu tái định cư phường Tân Hiệp (Khu cô nhi viện)	P. Tân Hiệp	47												Trong đó: 10 lô vướng quy hoạch sử dụng đất, UBND thành phố giao Tài nguyên và Môi trường xử lý nhưng chưa có kết quả. Các lô còn lại dự kiến bố trí cho DA Trường TH Tân Hiệp
24	Khu tái định cư phường Quang Vinh	P. Quang Vinh	6												Chưa có Quyết định giao đất của CQ có thẩm quyền
25				Khu tái định cư thuộc dự án khu dân cư với các dịch vụ thương mại, nhà ở cao cấp và tái định cư phường Bửu Long (giai đoạn 2)	P. Bửu Long	523	2.025						43.000	Công ty Kinh doanh nhà Đồng Nai	
26				Khu tái định cư phường Thống Nhất và Tân Mai (8,56ha)	P. Thống Nhất - P. Tân Mai	468	2.026						85.600	Ngân sách thành phố Biên Hòa	
27				Khu tái định cư phường Thống Nhất và Tân Mai 2	P. Thống Nhất - P. Tân Mai	1.545	2.026						86.900	Ngân sách thành phố Biên Hòa	

28				Khu dân cư phục vụ tái định cư phường Tam Hiệp (9,4ha)	P. Tam Hiệp	246	2.025					62.000	Ngân sách thành phố Biên Hòa	
29				Khu tái định cư phường Bửu Hòa	P. Bửu Hòa	82	2.024					18.000	Ngân sách thành phố Biên Hòa	đang trong quá trình hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý để bố trí tái định cư
30				Khu dân cư phục vụ tái định cư phường Tân Hạnh (4,2ha)	P. Tân Hạnh	205	2.024					42.000	Ngân sách thành phố Biên Hòa	đang trong quá trình hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý để bố trí tái định cư
31								Khu tái định cư tại phường Bình Đa (3ha)	P. Bình Đa	158	2.024	30.000	Ngân sách thành phố Biên Hòa	
32								Khu dân cư, thương mại và tái định cư 6,3ha phường Bửu Long	P. Bửu Long	174	2.024	63.000	Ngân sách thành phố Biên Hòa	
33								Khu tái định cư 7,4ha phường Bửu Long	P. Bửu Long	356	2.024	74.000	Ngân sách thành phố Biên Hòa	
34								Khu tái định cư phường Trảng Dài	P. Trảng Dài	64	2.024	58.000	Ngân sách thành phố Biên Hòa	
35								Khu dân cư phục vụ tái định cư phường Tân Vạn	P. Tân Vạn	189	2.024	33.000	Ngân sách thành phố Biên Hòa	
36								Khu dân cư phục vụ Tái định cư Tân Phong 2 (13,249,4m2)	P. Tân Phong	75		13.249	Ngân sách thành phố Biên Hòa	Chủ đầu tư đang xin chủ trương hủy dự án
37								Khu tái định cư phường Tân Biên (dự án 2)	P. Tân Biên	294	2.025	58.000	Ngân sách thành phố Biên Hòa	
38								Khu tái định cư 2 phường Long Bình Tân	P. Long Bình Tân	108	2.025	19.000	Ngân sách thành phố Biên Hòa	

39							Khu tái định cư tại phường Thống Nhất	P. Thống Nhất	66	2.024		7.300	Ngân sách thành phố Biên Hòa	
40							Khu tái định cư 2 tại phường Tân Hiệp	P. Tân Hiệp	122	2.024		21.000	Ngân sách thành phố Biên Hòa	
41							Dự án Khu tái định cư tại phường Tam Phước thành phố Biên Hoà	Phường Tam Phước	1.280	năm 2024	năm 2025	315.211	Vốn ngân sách tỉnh	
42							Xây dựng Hạ tầng khu tái định cư 49,32 ha phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa	Phường Phước Tân	1.066	năm 2024	năm 2025	493.271	Vốn ngân sách tỉnh	
Tổng (42)			318			3.069			3.952			1.522.531		
II. Huyện Nhơn Trạch														
1	Khu tái định cư Long Thọ	xã Long Thọ	21									15.000	Nguồn kinh phí xây dựng khu tái định cư ngân sách	
2	Khu tái định cư Phước Thiện	xã Phước Thiện	150									14.730	Nguồn kinh phí xây dựng khu tái định cư ngân sách	
3	Khu tái định cư Phước An (Cty HUD bàn giao cho huyện quản lý bố trí)	xã Phước An	51									1.000	Nguồn kinh phí Công ty xây dựng giao lại UBND huyện	
4	Khu tái định cư Phú Hội	xã Phú Hội	36									16.900	Nguồn kinh phí xây dựng khu tái định cư ngân sách	
5	Khu tái định cư Phước An	xã Phước An	1.040									30.560	Nguồn kinh phí xây dựng khu tái định cư ngân sách	
6	Khu tái định cư Phú Đông	xã Phú Đông	196									12.000	Nguồn kinh phí Công ty xây dựng giao lại UBND huyện	
7				Khu tái định cư Phú Đông (giai đoạn 2)	xã Phú Đông	378	2.024					18.000	Nguồn kinh phí Công ty xây dựng giao lại UBND huyện	

8								Khu tái định cư Hiệp Phước 3(gđ 2)	Thị trấn Hiệp Phước	430	2.024	2.025	9.760	Nguồn kinh phí xây dựng khu tái định cư ngân sách	
9								Khu tái định cư Vĩnh Thanh	xã Vĩnh Thanh	1.149	2.025	2.026	25.890	Nguồn kinh phí xây dựng khu tái định cư ngân sách	
10								Khu tái định cư Long Tân (Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch làm chủ đầu tư)	xã Long Tân	619	2.025	2.026	21.200	Nguồn kinh phí Công ty xây dựng giao lại UBND huyện	
Tổng (10)			1.494				378			2.198			165.040		
III. Huyện Định Quán															
1	Khu tái định cư xã Phú Túc	ấp Cây Xăng,	6											Ngân sách	
2	Khu tái định cư L9 xã Túc Trung	ấp Đồn Diên 1, xã Túc Trung	4											Ngân sách	
3	Khu tái định cư L16 xã Túc Trung	ấp Đồn Diên 3, xã Túc Trung	39											Ngân sách	
4	Khu tái định cư ấp 1, xã Suối Nho	ấp 1, xã Suối Nho	4											Ngân sách	
5	Khu tái định cư đô thị La Ngà	ấp 3, xã La Ngà	278											Ngân sách	
6	Khu tái định cư di dời bãi rác Túc Trung	ấp 1, xã La Ngà	2											Ngân sách	
7	Khu tái định cư xã Gia Canh	ấp 5, xã Gia Canh	1											Ngân sách	
8	Khu tái định cư xã Phú Tân	ấp 5, xã Phú Tân	6											Ngân sách	
9	Khu dân cư xã Phú Tân	ấp 5, xã Phú Tân	7											Ngân sách	
10	Khu tái định cư 1	Khu phố Hiệp Tâm 1, thị trấn Định Quán	7											Ngân sách	

11	Khu tái định cư 2 (giai đoạn 1)	Khu phố Hiệp Tâm 1, thị trấn Định Quán	8												Ngân sách	
12	Khu tái định cư - Đường lý Thái Tổ	Khu phố HiệpTâm , thị trấn Định Quán	26												Ngân sách	
13	Khu TĐC khu phố Hiệp Lực (lò gạch cũ)	Khu phố Hiệp Lực thị trấn Định Quán	1												Ngân sách	
14				Khu tái định cư ấp 2 xã Thanh Sơn	xã Thanh Sơn	59	2.024								Ngân sách	Dự kiến bố trí tái định cư khi thực hiện các dự án trên địa bàn xã theo quy hoạch
15				Khu Tái định cư ấp 3 Phú Lợi	ấp 3, xã Phú Lợi	55	2.024								Ngân sách	dự kiến bố trí TĐC các dự án trên địa bàn xã và các dự án ở các xã lân cận
16				Khu tái định cư phục vụ dự án Hồ Cà Ròn)	ấp 3, xã Gai Canh	181	2.024								Ngân sách	dự kiến bố trí TĐC dự án Hồ Cà Ròn và dự án di dân phân trường 3, Ban QLRPH Tân Phú
17								Khu tái định cư Phú Cường	xã Phú Cường	160	2.026	2.027	50.000		Ngân sách	Dự kiến bố trí tái định cư khi thực hiện các dự án trên địa bàn xã theo quy hoạch

18							Khu tái định cư Cầu Ván xã Phú Túc	ấp Cầu Ván, xã Phú Túc	163	2.024	2.025	48.900	Ngân sách	Dự kiến bố trí tái định cư cho dự án cao tốc Dầu giây- Tân Phú, Đường 770B (đoạn qua xã Suối Nho
19							Khu tái định cư đường nối Cụm CN Phú Túc đi tỉnh lộ 763	ấp cây xăng, xã Phú Túc	800	2.025	2.027	245.000	Ngân sách	Dự kiến bố trí tái định cư cho dự án cao tốc Dầu giây- Tân Phú, Đường 770B (đoạn qua xã Suối Nho
20							Khu tái định cư ấp Cây Xăng	ấp cây xăng, xã Phú Túc	85	2.026	2.029	25.000	Ngân sách	Dự kiến bố trí tái định cư cho dự án cao tốc Dầu giây- Tân Phú, Đường 770B (đoạn qua xã Suối Nho
21							Khu Tái định cư chợ xã Suối Nho(trụ sở UBND xã Suối Nho cũ)	xã Suối Nho	13	2.024	2.025	1.200	Ngân sách	Dự kiến bố trí tái định cư khi thực hiện các dự án chợ Suối Nho
22							Đường và khu tái định cư La Ngà	xã La Ngà	480	2.026	2.028	145.000	Ngân sách	Dự kiến bố trí tái định cư khi thực hiện các dự án trên địa bàn xã theo quy hoạch
23							Khu tái định cư Phú Ngọc (Khu trung tâm xã)	xã Phú Ngọc	370	2.026	2.028	112.000	Ngân sách	Dự kiến bố trí tái định cư khi thực hiện các dự án trên địa bàn xã theo quy hoạch
24							Khu tái định cư xã Phú Ngọc	xã Phú Ngọc	95	2.026	2.027	30.000	Ngân sách	Dự kiến bố trí tái định cư khi thực hiện các dự án trên địa bàn xã theo quy hoạch
25							Khu tái định cư cho các hộ dân bị giải tỏa bởi dự án hồ Cà Ròn	ấp 5, xã Gia canh	60	2.025	2.027	19.300	Ngân sách	Để thực hiện các dự án trên địa bàn xã theo quy hoạch

26								Tái định cư và khu dân cư ấp 5	ấp 5, xã Gia Canh	850	2.026	2.027	256.000	Ngân sách	Để thực hiện các dự án trên địa bàn xã theo quy hoạch
27								Khu Tái định cư Gia Canh	ấp 5, xã Gia Canh	280	2.026	2.027	86.200	Ngân sách	Dự kiến bố trí tái định cư cho dự án cao tốc Dầu giầy- Tân Phú, Đường Tà lài-Trà cổ (đoạn qua xã Gia Canh, Phú Hòa)
28								Khu tái định cư khu 8 ấp 5 xã Gia Canh	ấp 5, xã Gia Canh	120	2.026	2.027	45.000	Ngân sách	Dự kiến bố trí tái định cư cho dự án cao tốc Dầu giầy- Tân Phú, Đường Tà lài-Trà cổ (đoạn qua xã Gia Canh, Phú Hòa)
29								Mở rộng Khu tái định cư Lý Thái Tổ, thị trấn Định Quán	thị trấn Định Quán	60	2.024	2.025	47.000	Ngân sách	Dự kiến bố trí tái định cư khi thực hiện các dự án trên địa bàn thị trấn theo quy hoạch
30								Khu tái định cư 3, thị trấn Định Quán	thị trấn Định Quán	370	2.025	2.027	112.000	Ngân sách	Dự kiến bố trí tái định cư khi thực hiện các dự án trên địa bàn thị trấn theo quy hoạch
Tổng (30)			389	-	-	295		-	-	3.906			1.222.600		
IV. Huyện Tân Phú															
1	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư 9,7ha thị trấn Tân Phú (khu A, B)	Thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú	157										80.714	Ngân sách huyện	
2				Khu tái định cư 15ha huyện Tân Phú	Thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú	715	Dự kiến năm 2026						192.475	Ngân sách huyện	
3								Khu tái định cư xã Phú Bình	xã Phú Bình, huyện Tân Phú				130.000		
Tổng (3)			157	-	-	715	-	-	-	-	-	-	403.189		
V. Huyện Vĩnh Cửu															

1	Khu Tái định cư 0,8 ha xã Tân An	xã Tân An	1												
2	Khu Tái định cư 3,8 ha xã Tân An	xã Tân An	93												
3	Khu tái định cư Phú Lý	xã Phú Lý	2												
4	Khu Tái định cư ấp 5, Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	1												
5	Khu Tái định cư khu phố 8, thị trấn Vĩnh An	Thị trấn Vĩnh An	17												
6	Khu Tái định cư khu phố 1, thị trấn Vĩnh An		11												
7	Khu Tái định cư ấp Thới Sơn, xã Bình Hòa	Xã Bình Hòa	18												
8	Khu tái định cư Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	5												
9				Hạ tầng điểm dân cư số 6	Hiếu Liêm	417	2.024								
10								Khu Tái định cư xã Bình Lợi (số 1)	xã Bình Lợi	142	2.024	2.025	3	Vốn đầu tư công	
11								Khu Tái định cư xã Bình Lợi (số 2)	xã Bình Lợi		2.025	2.030	10	Vốn đầu tư công	
12								Khu Tái định cư (Vườn ươm)	xã Mã Đà		2.025	2.030	6	Vốn đầu tư công	
13								Khu Tái định cư ấp 4	xã Mã Đà		2.025	2.030	8	Vốn đầu tư công	
14								Khu Tái định cư ấp 6	xã Mã Đà		2.025	2.030	7	Vốn đầu tư công	
15								Khu Tái định cư ấp 3	xã Mã Đà		2.025	2.030	15	Vốn đầu tư công	
16								Khu Tái định cư Suối Tương	xã Mã Đà		2.025	2.030	11	Vốn đầu tư công	
17								Khu Tái định cư (mở rộng)	xã Phú Lý		2.025	2.030	4	Vốn đầu tư công	
18								Khu Tái định cư (sau trụ sở lâm trường)	xã Phú Lý		2.025	2.030	1	Vốn đầu tư công	
19								Khu dân cư kết hợp tái định cư ấp Bình Chánh	xã Tân An		2.025	2.030	42	Vốn đầu tư công	

20							Khu Tái định cư Tân An	xã Tân An		2.025	2.030	49	Vốn đầu tư công	
21							Khu Tái định cư Tân An (Cty CP nông sản Đông Việt)	xã Tân An	180	2.024	2.030	3	Vốn đầu tư công	
22							Khu dân cư tái định cư (Cty CP Trí Tiến)	xã Thiện Tân		2.025	2.030	6	Vốn đầu tư công	
23							Khu Tái định cư	xã Trị An		2.025	2.030	2	Vốn đầu tư công	
24							Khu Tái định cư ấp 5	Xã Thạnh Phú		2.025	2.030	2	Vốn đầu tư công	
25							Khu Tái định cư (quy hoạch công an xã)	Xã Thạnh Phú		2.025	2.030	1	Vốn đầu tư công	
26							Khu dân cư kết hợp tái định cư và thương mại dịch vụ	Xã Vĩnh Tân		2.025	2.030	63	Vốn đầu tư công	
27							Khu Tái định cư TT Vĩnh An (sau TTHC huyện)	Thị trấn Vĩnh An		2.025	2.030	2	Vốn đầu tư công	
28							Khu Tái định cư	Thị trấn Vĩnh An		2.025	2.030	13	Vốn đầu tư công	
Tổng (28)			148	-	-	417	-	-	322			248	-	-
VI Huyện Thống Nhất														
1	Khu tái định cư Bầu Hàm 2	thị trấn Dầu Giây	11									59.532	Ngân sách huyện	- Tổng số lô để bố trí tái định cư là 69 lô/9.401,8m2.
2	Khu dân cư Xóm Hố A	xã Hưng Lộc	6									37.545	Ngân sách huyện	- Tổng số lô để bố trí tái định cư là 36 lô/8.451,3m2.
3							Khu dân cư phục vụ tái định cư B1	thị trấn Dầu Giây, xã Hưng Lộc	494		2.026	132.100	Ngân sách huyện	- Đang trình thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.
4							Khu dân cư phục vụ tái định cư thuộc khu liên hợp công nông nghiệp DOFICO	xã Lộ 25	510			264.900		- Khu TĐC đang thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường.

5								Khu dân cư phục vụ tái định cư xã Hưng Lộc	xã Hưng Lộc	577		2.026	146.300	Ngân sách huyện	- Khu TĐC theo quy hoạch 2030. Đang trình điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch.
6								Khu tái định cư giai đoạn 2 xã Hưng Lộc	xã Hưng Lộc	389		2.026	92.800	Ngân sách huyện	- Khu TĐC theo quy hoạch 2030. Đang trình thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.
7								Khu tái định cư	thị trấn Dầu Giây				518.380	Ngân sách tỉnh	- Đang lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500.
	Tổng (7)		17	-	-	-	-	-	-	1.970	-		1.251.557		
VII	Huyện Long Thành														
1	khu tái định cư Xuân An	An Phước	7										27.804		
2	khu tái định cư Lâm Trường	thị trấn Long Thành	19										5.667		
3	Khu tái định cư Liên Kim Sơn	thị trấn Long Thành	29										24.551		
4	Khu tái định cư An Thuận	Long An	97										99.622		
5	Khu tái định cư Phước Bình	Phước Bình	7										87.271		
6	Khu tái định cư Tân Hiệp	Tân Hiệp	3										43.699		
7	Khu tái định cư Tam An	Tam An	2										75.401		
8	Khu tái định cư Trụ sở Hội cựu chiến binh cũ	thị trấn Long Thành	5										1.032		
9	Khu tái định cư Lộc An - Bình Sơn	Lộc An	2.789										282.340		
10				Khu tái định cư Long Đức	Long Đức	843	2.024						267.104		
11				Khu tái định cư Long Phước	Long Phước	1.048	2.024						339.300		

12				Khu tái định cư Trung tâm dịch vụ công ích cũ và Trung tâm Phát triển Quỹ đất cũ	thị trấn Long Thành	38	2.024						5.500		
13				Khu tái định cư Hợp tác xã nông nghiệp	thị trấn Long Thành	21	2.024						2.905		
14								khu tái định cư 47 ha	thị trấn Long Thành	1.596			447.386		
Tổng (14)			2.958	-	-	1.950		-	-	1.596	-	-	1.709.581		
VIII Huyện Trảng Bom															
1	Khu dân cư Tái định cư 5,3 ha	TT.Trảng Bom	156												
2	Khu dân cư 4,7 ha	TT.Trảng Bom	54												
3	Khu dân cư Bắc sơn 2,5ha	Xã Bắc Sơn	-												
4	Khu tái định cư Hồ Nai 3,8ha	Xã Bắc Sơn	2												
5	Khu tái định cư 3,03ha	xã Tây Hòa	21												
6	Khu tái định cư Bình Minh	xã Bình Minh	364												
7	Khu dân cư Bắc sơn 3,5ha	Xã Bắc Sơn	-												
8	Khu dân cư số 1	TT.Trảng Bom	11												

9	Khu tái định cư Lò Gạch	TT.Trần g Bom	4												
10				Khu tái định cư 1,45ha	TT.Trăng Bom	100	2020 (còn vướng thủ tục thu hồi đất và kết nối giao thông)								
11							Khu Tái định cư xã Cây Gáo	Cây Gáo	250	2.025	2.026	57.700	Ngân sách huyện (sử dụng nguồn vốn vay từ Quỹ phát triển đất tỉnh)		
12							Khu Tái định cư phục vụ Cụm công nghiệp Hưng Thịnh	Hưng Thịnh							
13							Khu Tái định cư Sông Trầu	Sông Trầu	420	2.026	2.027	125.700	Dự kiến từ Ngân sách huyện (sử dụng nguồn vốn vay từ Quỹ phát triển đất tỉnh)	Đang trình phê duyệt chủ trương đầu tư	
14							Khu Tái định cư xã Cây Gáo (giáp PCCC)	Cây Gáo							
15							Khu Dân cư và Tái định cư Bắc Sơn	Bắc Sơn	200	2.025	2.026	38.910	Ngân sách huyện (sử dụng nguồn vốn vay từ Quỹ phát triển đất tỉnh)	Dự án đang triển khai lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500	
16							Khu Tái định cư Sông Mây	Bắc Sơn							
17							Khu Tái định cư và lưu trú thấp tầng	Tây Hòa							
18							Khu Tái định cư xã Đông Hòa	Đông Hòa	732	2.025	2.027	186.800	Ngân sách huyện (sử dụng nguồn vốn vay từ Quỹ phát triển đất tỉnh)	Dự án đang triển khai lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500	
Tổng (18)			612	-	-	100	-	-	-	1.602			409.110	-	

IX	Huyện Cẩm Mỹ													
1				- Bố trí tái định cư thuộc một phần Khu dân cư số 01,	thị trấn Long Giao.	51	GĐ 2024 - 2030						Ngân sách	Diện tích khu đất khoảng 3,63 ha (không tính diện tích hạ tầng giao thông)
						5								
2						77								
						10								
3				Bố trí phần diện tích còn lại tại khu dân cư và tái định cư	Nhân Nghĩa	35	GĐ 2024 - 2030						Ngân sách	Còn lại 130 lô, trong đó có 126 lô chưa thanh lý cây cao su
						6								
4				- Khu dân cư có bố trí tái định cư xã Xuân Quế; - Khu dân cư số 02	Thị trấn Long Giao	46	GĐ 2024 - 2030						Ngân sách	
						44								
5				-Khu dân cư có bố trí tái định cư	xã Xuân Quế	3	GĐ 2024 - 2030						Ngân sách	- KDC Xuân Quế còn 34 lô/3.432,3 m2 - KDC số 2, Long Giao còn 30 lô/5.116,5m2
						17								
6				- Khu dân cư có bố trí tái định cư xã Xuân Quế; - Khu dân cư số 02, thị trấn Long Giao	ị trấn Long Giao	1	GĐ 2024 - 2030						Ngân sách	
						2								
7				- Khu dân cư số 02, thị trấn Long Giao		10	GĐ 2024 - 2030						Ngân sách	
						3								

Tổng (7)						310									
X	Huyện Xuân Lộc														
1	Khu dân cư và tái định cư 2,35ha, tại thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc	Khu phố 2, thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc.	12												
2	Khu dân cư có bố trí tái định cư xã Xuân Hiệp	Xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc.	23												
3	Khu dân cư phục vụ tái định cư di dân tại trường bắn Quốc gia khu vực III	Xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc.	39												
4				Khu Tái định cư thị trấn Gia Ray (Phục vụ đường cao tốc Phan Thiết- Dầu Giây).	Thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc.	356	Tháng 6/2024								
5								Khu tái định cư xã Xuân Hiệp	Xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc.	671	Đang lập quy hoạch chi tiết xây dựng				
6								Khu tái định cư Trường bắn Quốc gia khu vực 3	Xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc.	1.195	Đang lập quy hoạch chi tiết xây dựng				
7								Khu tái định cư vùng đệm Trường bắn	Xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc.	545	Đang lập quy hoạch chi tiết xây dựng				

8								Khu tái định cư Trường bản tại xã Xuân Hưng	Xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc.	1.384	Đang lập quy hoạch chi tiết xây dựng				
9								Khu tái định cư xã Xuân Hòa	Xã Xuân Hòa, huyện Xuân Lộc.	774	Đang lập quy hoạch chi tiết xây dựng				
	Tổng (9)		74	-	-	356	-	-	-	4.569	-	-	-	-	-
XI.	Thành phố Long Khánh														
1	Khu Tái định cư Xuân Tân	Xuân Tân	12											Ngân sách thành phố	
2	Khu Tái định cư Bảo Vinh	Bảo Vinh	207											Ngân Sách thành phố	
3								Khu Tái định cư Xuân Tân	Xuân Tân	667	2.024	2.025		Ngân Sách thành phố	
4								Khu Tái định cư Bàu Sen	Bàu Sen	729	2.024	2.025		Ngân Sách thành phố	
	Tổng (4)		219	-	-	-	-	-	-	1.396			-	-	-
	TỔNG CỘNG (I)-(XI)		6.386	-	-	7.590	-	-	-	21.511	-	-	6.683.856	-	-